

# TỘC HỌ VÀ NHỮNG BIẾN ĐỔI TRONG SINH HOẠT TỘC HỌ CỦA NGƯỜI CHĂM Ở NINH THUẬN VÀ BÌNH THUẬN

Lý Hoàng Nam<sup>(1)</sup>

(1) Ban Dân vận Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày nhận bài 10/6/2019; Ngày gửi phản biện 20/6/2019; Chấp nhận đăng 1/8/2019

Liên hệ: lyhonglinh@yahoo.com

## **Tóm tắt**

Người Chăm là một trong 53 cộng đồng dân tộc thiểu số ở nước ta, định cư lâu đời ở khu vực duyên hải Nam Trung Bộ, trong đó Ninh Thuận và Bình Thuận là địa bàn có đông bào Chăm sinh sống nhiều nhất. Chúng tôi muốn tìm hiểu về tộc họ và những biến đổi tộc họ của người Chăm ở Ninh Thuận và Bình Thuận trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa để đánh giá xem cấu trúc xã hội của người Chăm hiện nay có thay đổi gì không và thay đổi như thế nào. Kết quả cho thấy tộc họ của người Chăm ở vùng Ninh Thuận và Bình Thuận gắn kết nhau trên cơ sở huyết thống theo mẫu hệ. Tộc họ ảnh hưởng, ràng buộc đến các thành viên thông qua cơ sở kinh tế, cơ sở tín ngưỡng, niềm tin, thông qua lễ cúng, hôn nhân, tang chế và mối quan hệ xã hội trong tộc họ. Các mối quan hệ này trong tộc họ có sự biến đổi nhất định, tạo nên một diện mạo mới trong cấu trúc của xã hội Chăm vùng Ninh Thuận và Bình Thuận.

**Từ khóa:** cấu trúc xã hội, người Chăm, xã hội Chăm, tộc họ

## **Abstract**

### **THE FAMILY AND CHANGES IN THE ACTIVITIES OF THE CHAM FAMILY IN NINH THUAN AND BINH THUAN**

Cham people are one of 53 ethnic minority communities in our country, with a long process of setting in the South Central Coast region, in which Ninh Thuan and Binh Thuan are the areas where Cham people live the most. We would like to learn about the ethnic group and the ethnographic changes of the Cham people in Ninh Thuan and Binh Thuan in the context of industrialization and modernization to assess whether the current social structure of the Cham has changed and how it has changed. Research results show that the Cham family in Ninh Thuan and Binh Thuan regions have a connection on a matriarchy blood - relations basis. The family influences and binds members through their economic base, beliefs base, through rituals, marriage, funeral rituals and social relations among their families. Since the renovation until now, these relationships in their families have had certain changes, creating a new look in the structure of Cham society in Ninh Thuan and Binh Thuan regions.

## **1. Đặt vấn đề**

Nghiên cứu biến đổi là bước ngoặt thu hút mạnh mẽ sự chú ý của các nhà nhân học, dân tộc học và xã hội học đối với một số lĩnh vực cụ thể của khoa học xã hội như: đô thị,

nông thôn hay đối với một cộng đồng dân tộc cụ thể. Ngay từ những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX các nhà Nhân học thế giới đã rất quan tâm nghiên cứu trong sự gắn kết với quá trình chuyển đổi kinh tế - xã hội, gắn với bối cảnh công nghiệp hóa, đô thị hóa và hiện nay nghiên cứu biến đổi văn hóa đặt trong sự ảnh hưởng toàn cầu hóa, trong sự biến chuyển xã hội đang diễn ra mạnh mẽ. Ở nước ta, xu hướng nghiên cứu biến đổi về kinh tế, văn hóa xã hội được các nhà khoa học xã hội chú ý để đánh giá quá trình phát triển của một cộng đồng hay quá trình tộc người của một dân tộc. Dân tộc Chăm là đối tượng được các nhà khoa học quan tâm, nghiên cứu một cách toàn diện trên nhiều phương diện.

## 2. Tổng quan tài liệu và phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu về người Chăm, đầu tiên phải kể đến là những học giả người Pháp, vì có điều kiện đến vùng này. Đối với người Việt, đã có một số công trình nghiên cứu chuyên sâu về xã hội Chăm, như: *Người Chăm ở Thuận Hải* (1989) quy tụ 10 nhà khoa học thực hiện đã nêu lên một số vấn đề cơ bản về kinh tế nông nghiệp, ngành nghề thủ công, dân số, tổ chức xã hội truyền thống, hôn nhân gia đình, tín ngưỡng tôn giáo và những bước hòa nhập của người Chăm trên con đường xây dựng xã hội chủ nghĩa. Đây là công trình khảo sát có tính chất tổng hợp về đời sống vật chất lẫn tinh thần của người Chăm. Công trình *Văn hóa Chăm* (1991) nghiên cứu toàn diện hơn về hoạt động của người Chăm ở Việt Nam. Các tác giả chưa phân tích sâu và làm nổi bật về ý nghĩa các giá trị văn hóa. Đồng thời, giới thiệu các lĩnh vực thuộc đời sống xã hội và văn hóa Chăm. Nguyễn Văn Tý với các tác phẩm *Đời sống văn hóa và xã hội người Chăm Việt Nam* (2010). Tác giả đã đặt ra nhiều vấn đề về xã hội Chăm, bộc lộ nhiều tình cảm, sự trân trọng làm sao để người Chăm có thể dứt bỏ những tập tục xa xưa không phù hợp với hoàn cảnh sống mới, làm thế nào để sớm đưa người Chăm hòa nhập vào nhịp sống của xã hội văn minh. Tác giả Lý Hành Sơn có bài *Thiết chế xã hội phi quan phương ở người Chăm hiện nay*. Đây là bài viết có giá trị thực tiễn cao, tác giả đã nêu bật được thực trạng các thiết chế xã hội phi quan phương của người Chăm và những biến đổi của các tổ chức cộng đồng này trong mối quan hệ giữa các yếu tố truyền thống và hiện đại. Đồng thời tác giả cũng nêu lên vị trí, vai trò của các thiết chế xã hội này đối với đời sống của người Chăm, nhất là các yếu tố ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa người dân Chăm với các thiết chế xã hội phi quan phương. Gần đây nhất, có công trình 40 năm nghiên cứu văn hóa Chăm, của nhóm tác giả là những người có nhiều kinh nghiệm trong nghiên cứu về dân tộc Chăm.

Kế thừa những kết quả nghiên cứu của các công trình đi trước, trong bài báo này, chúng tôi cố gắng phản ánh các khía cạnh liên quan đến xã hội Chăm qua sinh hoạt của tộc họ và những biến đổi của tộc họ Chăm trong quá trình hội nhập với sự phát triển chung của xã hội Việt Nam hiện nay.

Bài báo này sử dụng phương pháp nghiên cứu lịch sử. Từ góc độ lịch sử, bài báo trình bày tiến trình phát triển của tộc họ Chăm trong sự vận hành chung của xã hội. Vận dụng các phương pháp nghiên cứu liên ngành, nhất là phương pháp và kỹ thuật của ngành Nhân học: phương pháp sưu tầm và phân tích tư liệu, phương pháp quan sát - tham dự, hòa nhập cộng đồng, thu thập và xử lý thông tin định tính, kỹ thuật phỏng vấn sâu, phỏng

vấn nhóm tập trung, phỏng vấn hồi cố... để nghiên cứu các hoạt động, cách thức tham gia các hoạt động trong đời sống xã hội, đặc biệt là các sinh hoạt tộc họ của người Chăm.

### 3. Kết quả và thảo luận

#### 3.1. Tộc họ người Chăm

*Tộc họ và sự hình thành tộc họ người Chăm:* Họ, tộc họ hay dòng họ của người Chăm ở Ninh Thuận và Bình Thuận là một thuật ngữ dùng để chỉ một cộng đồng bao gồm những người có quan hệ huyết thống với nhau tính theo hệ mẹ, thường sống tập trung theo một khu vực nhất định ở trong làng có sự thống nhất với nhau về kinh tế xã hội và tư tưởng biểu hiện trong ý thức và thực tế đời sống. Đối với người Chăm vì theo chế độ mẫu hệ, tức là chế độ quan hệ theo mẹ, cho nên tộc họ người Chăm là nhóm các gia đình mà những người phụ nữ chính của các gia đình đó (bà mẹ, bà vợ) có cùng quan hệ huyết thống theo dòng mẹ. Để dễ hình dung chúng ta đơn cử với nhóm các gia đình 2 thế hệ: cha mẹ - con cái. Nếu những gia đình mà các người mẹ (hoặc vợ) trong những gia đình đó do một bà sinh ra thì những gia đình đó thuộc về một tộc họ của người bà đó. Từ đó tính ngược lên hoặc xuôi xuống đối với các gia đình hiện hữu, sẽ có được số gia đình thành viên của một dòng họ. Trong tiếng Chăm, thường dùng từ “gop” để chỉ chung cho khái niệm “bà con, tộc họ”. Còn khi muốn tách bạch cho rõ ràng, người Chăm gọi bà con cùng tộc họ là “gop sa kut” (bà con một kut), “gop sa chiet atuv” (bà con cùng một chiết atâu) và “gop gah amaik” (bà con bên mẹ, bên nội). Cả 3 khái niệm về mối quan hệ này cũng đều chỉ là “bà con cùng tộc họ” nhưng có điều khác nhau ở mức độ phạm vi rộng, hẹp mà thôi, trong đó quan hệ trước là cao, rộng nhất và bao trùm quan hệ sau. Còn “gop gah amur” là bà con bên cha người Chăm xem như bên ngoại và “gop gon” hoặc “gop palei” là hàng xóm láng giềng, người cùng làng thì không thể là cùng tộc họ. Vì vậy, từ đây trở đi, khi nói “gop” mà không phân biệt thì nên hiểu đó là bà con cùng tộc họ, theo cách hiểu của dân gian.

*Cơ chế tổ chức và mối quan hệ xã hội trong tộc họ người Chăm:* Vì theo chế độ mẫu hệ, mỗi tộc họ có một bà tổ họ. Do người Chăm không có tập tục lập và lưu truyền gia phả nên trải qua bao đời từ thế hệ này sang thế hệ khác ít có tộc họ nào có thể biết được lai lịch bà tổ của họ, người lớn tuổi nhất còn sống trong tộc họ của họ chỉ có thể biết đến lai lịch khoảng 3 đời trước mình. Tại một thời điểm cụ thể, người phụ nữ thuộc lớp cao nhất còn sống trong tộc họ, đương nhiên giữ nhiệm vụ chủ họ, tiếng Chăm gọi là “akaok gop”. Nếu trong lớp đó, hiện có nhiều phụ nữ, thì người phụ nữ có vai vế cao hơn làm chủ họ, là bà chủ lễ múa của tộc họ, tiếng Chăm gọi là “muk rija, giữ và trông coi “chiết atuv” của tộc họ. Có tộc họ, người chủ họ là trưởng họ, giữ vai trò điều hành, chủ trì việc tổ chức các lễ tục và một số công việc khác của tộc họ. Nhưng cũng có tộc họ, vừa có chủ họ, vừa có thêm một vị trưởng họ, được cả họ tộc thống nhất cử ra. Đối với những tộc họ này, chủ họ chỉ mang tính biểu trưng tinh thần và trực tiếp trong một số lễ thức của dòng họ, còn vị trưởng họ thường là người đàn ông của tộc họ (chứ không phải rể họ) có vai vế cao, là nhân sĩ, trí thức hoặc chức sắc có uy tín và khả năng điều hành, tổ chức trong tộc họ.

Trong tộc họ Chăm theo chế độ mẫu hệ và hôn nhân ngoại tộc họ, những đàn ông thuộc họ này khi trưởng thành lấy vợ, phải về ở với vợ, trở thành một thành viên của gia đình tách lập mới, mà gia đình đó là thành viên của tộc họ vợ. Tuy nhiên, người đàn ông này không phải là thành viên của tộc họ bên vợ. Trong những hoạt động tinh thần tín ngưỡng của tộc họ bên vợ, các ông rể này được người Chăm gọi là “urang parat” (người ngoại hệ tộc, kẻ xa lạ, người dung khác họ), không được tham gia bàn bạc và quyết định. Những sinh hoạt tín ngưỡng tinh thần của người đàn ông này do tộc họ của người đàn ông (tộc họ mẹ hoặc chị, em gái) đó lo liệu, phụng tự theo quan hệ huyết thống. Vì vậy mà người đàn ông có nghĩa vụ, trách nhiệm tham gia các công việc của tộc họ mình; nếu có khả năng và uy tín, những người đàn ông này có thể được tín nhiệm cử làm tộc trưởng, cùng với chủ tộc họ điều hành tổ chức các hoạt động công việc của tộc họ mình. Với quan hệ tộc họ như vậy thì 3 người đàn ông thuộc 3 thế hệ của một gia đình người Chăm (cha, ông, con trai) không thể cùng là thành viên của một tộc họ được.

Trong khi đó, đối với người đàn bà trong gia đình Chăm thì quan hệ giữa mình với người đàn bà đã sinh ra mình và với tất cả những người do mình trực tiếp sinh ra (cả trai và gái) đều là thành viên của tộc họ. Chẳng những theo chiều dọc mà sự liên kết tộc đó còn theo chiều ngang với các anh, chị, em cùng mẹ với mình. Tất nhiên sự quan hệ sẽ tiếp tục liên kết qua đời kế tiếp của người chị gái hoặc em gái của người đàn bà đó nữa, nhưng đối với anh, em trai thì chỉ tới bản thân anh ta thôi, còn vợ con anh ta đã thuộc tộc họ khác. So sánh theo người Việt, những người quan hệ theo mẹ là bên nội, còn các mối quan hệ theo cha là bên ngoại.

Mỗi tộc họ thường có nhiều dòng họ “talei gop” trong đó có dòng gốc và các dòng nhánh tách ra từ dòng gốc. Ban đầu sơ khai dòng của người mẹ tổ là dòng gốc. Bà mẹ là chủ tộc giữ “chiet atuv” và giữ các ché, người Chăm gọi là “chaih” (từ 2 - 3 cái). Khi bà qua đời, người con gái thừa tự bà (thường là con gái út, nếu bà có nhiều con gái) sẽ tiếp tục vai trò của bà. Trong lúc các con gái lớn của bà lấy chồng lập gia đình ra ở riêng, sinh sôi nảy nở, sinh con đẻ cháu và đương nhiên hình thành các chi nhánh phụ bên cạnh dòng chính gốc của người em út. Trường hợp phụ nữ dòng gốc, chủ tộc họ không có con gái thì khi bà qua đời, vai trò chủ tộc họ, giữ chiet atuv, giữ ché sẽ được chuyển sang cho người phụ nữ có vai vế cao và lớn tuổi trong tộc họ.

Tùy theo đặc điểm lịch sử, các dòng họ có tên gọi khác nhau. Thường thì tên của một dòng họ đặt theo tên nghĩa địa của dòng họ đó. Đối với người Chăm Balamôn gọi là Kút làng Hữu Đức, Kút họ Ninh Pui, làng Mỹ Nghiệp Kút họ Kadak, Kut ôn. Đối với người Chăm Bàn thì nghĩa địa gọi là Ghur Răk. Tên nghĩa địa của dòng họ thường đặt theo đặc điểm lịch sử vị thần được thờ phụng của tộc họ trong thời gian lập nghĩa địa, hay địa hình lập nghĩa địa. Ví dụ làng Chăm Balamôn ở Hiếu Lễ - xã Phước Thuận - huyện Ninh Phước có 2 dòng họ lớn là dòng “Chông” và dòng họ “Đăk”. Đây là tên gọi theo địa hình lập Kút. Kút của hai dòng họ này có tên gọi là Kút Chông và Kút Đăk. Ngoài ra còn một số dòng nhỏ như dòng họ gia đình vì một lý do nào đó tách ra khỏi dòng họ lớn. Ở thôn Phước Nhơn, An Nhơn - xã Xuân Hải, huyện Ninh Hải có 36 dòng họ, có tên gọi như Pô Rômê, Pô Dam...

Ngoài ra, tên của tộc họ cũng được đặt theo họ của bà tổ họ. Trong xã Phan Hiệp, thôn Bình Đức có các tộc họ Đơn, tộc họ Nguyễn... Thôn Bình Tiến có họ Diên, họ Lâm, họ Táo, Úc, Huỳnh, Lư, Khê..., thôn Bình Hiếu có tộc họ Đàng, tộc họ Đặng, tộc họ Kim,... Các tên họ này không phải phiên âm từ tên họ Chăm mà do người Việt đặt cho theo tiếng Việt khi làm các giấy tờ hộ tịch trước đây, được lưu giữ mãi cho đến ngày nay. Theo chế độ mẫu hệ cổ truyền, những đứa con sinh ra, nhất là con gái, đều phải lấy theo họ mẹ. Do đó cả tộc họ, dòng gốc cũng như các chi nhánh, từ đời này qua đời khác, các thành viên đều giữ được cùng một họ, dễ nhận biết là bà con của nhau, để tránh quan hệ hôn nhân cùng tộc họ. Nhưng kể từ sau năm 1945, đối với những gia đình có người cha là công chức hoặc đi lính, phải làm giấy khai sinh cho con mang họ cha để được hưởng chế độ lương, phụ cấp. Xu hướng này ngày càng lan truyền rộng.

Trải qua nhiều thế hệ chưa thấy có quy ước, quy chế, điều lệ thành văn hay truyền khẩu để xác định nghĩa vụ, quyền hạn, trách nhiệm và các biện pháp chế tài đối với các thành viên trong tộc họ mà tất cả các vấn đề này đều hoàn toàn có tính mặc định, hiểu ngầm, tự nguyện, tự giác tham gia và tuân thủ.

#### *Cơ sở biểu hiện và ảnh hưởng của quan hệ tộc họ*

*Trong một số lễ cúng:* Cũng như các tộc người khác, người Chăm cũng thể hiện đạo lý uống nước nhớ nguồn, một dạng giá trị tinh thần, thông qua tập tục thờ cúng tổ tiên ông bà. Nhưng đối với người Chăm, dưới ảnh hưởng của các tôn giáo, việc thờ cúng tổ tiên biểu hiện thông qua nhiều hình thức, nội dung và các mối quan hệ khác nhau, trong đó có các hình thức thờ cúng tổ tiên thuộc về quan hệ tộc họ.

Mỗi tộc họ đều thờ chung một loại “atuv” có thể tạm gọi là linh hồn tổ tiên ông bà của tộc họ, cho dù là người Chăm Balamôn hay Chăm Bàn “atuv” là bao trùm, bao quát, không cụ thể là linh hồn của cá nhân hoặc nhóm nào trong tộc họ cả. Tùy theo tộc họ, có tộc họ theo “Atuv Chok” (núi), có tộc họ theo Atou Tathik (biển). Biểu trưng của tín ngưỡng gia đình tộc họ thờ cúng tổ tiên “atuv” là mỗi tộc họ có một “chiết atuv” và một số cái “Chaih” (ché).

“Chiết” là một loại đồ chứa đựng giống như một cái hộp vuông vức cao khoảng 35 - 40 cm, rộng khoảng 50 - 60 cm, đan bằng tre, có 2 phần giống nhau, làm thân và làm nắp úp chụm vào với nhau, có dóng bằng sợi mây đan ở 4 góc dùng để xách hoặc treo cho dễ. Trong “chiết atuv” của mỗi tộc họ, thông thường có áo, chăn, khăn và một số vật dụng khác, tùy theo loại atou và tộc họ. Đây là trang phục cho người đàn bà chủ tộc họ (muk rija, muk janhong) và các lễ phục để các thầy bóng mặc tượng trưng khi hành lễ “rija” ngoài ra còn có trang phục thờ tượng trưng của các cậu nhỏ (đều là cháu trai) chết do truy thai chưa thành người được đưa vào “chiết atuv” để thờ được dùng trong khi thực hiện các nghi lễ liên quan đến cúng “atuv”. “Chiết atuv” được treo giữ sát trần nhà của gia đình chủ dòng tộc họ và chỉ được đem xuống mở ra khi thực hiện các nghi thức cúng lễ liên quan. Đó là nghi lễ cúng nhập tộc họ “êv atuv praok” và nghi lễ múa “rija” bao gồm “rija harei” (ban ngày), “rija dayop” (ban đêm), “rija praong” (lớn)

Lễ cúng nhập tộc họ “êv atuv praok” thực hiện khi con cái mới sinh ra, trẻ nhỏ bị ốm

đau, có ý nghĩa thông báo với tổ tiên về sự ra đời của thành viên mới và cầu mong được che chở phù hộ để không bị người cõi âm quấy phá.

Lễ múa “rija harei” là lễ nghi của tộc họ hoặc gia đình, để cầu xin tổ tiên, thần linh che chở, phù hộ cho thành viên trong gia đình, tộc họ hoặc tân trình với tổ tiên xin phép để thực hiện một việc quan trọng trong gia đình, tộc họ.

Lễ múa “rija dayop” là lễ múa của tộc họ, hoặc của gia đình tổ chức để thực hiện lời hứa trước đó khẩn vái “Bbwon” cầu xin tổ tiên, thần linh cho bớt bệnh tật, tai họa. Có khi đây là lời khẩn hứa của người lớp trước trong tộc họ khi qua đời không nói lại, để quên lâu thành nợ khẩn vái “thrayi lihik pabah”, người cõi âm quấy phá, phải làm lễ trả nợ.

Lễ múa “rija praong” đúng như cái tên của nó, lớn nhất trong các lễ múa “Rija” người Chăm, thường diễn ra trong 7 ngày đêm nên chi phí lớn, phải là cả tộc họ cùng chung đậu mới đủ sức thực hiện cho nên rất ít khi được tổ chức. Lễ múa này tuy cũng để cầu xin với tổ tiên, thần linh được tai qua nạn khỏi nhưng ít khi cho một thành viên nào đó trong tộc họ mà thường là khi trong tộc họ gặp phải nhiều sự bất trắc liên quan đến sinh mạng, sức khỏe, tài lộc, lập đi lập lại làm cho người ta nghĩ rằng cõi âm của tộc họ có vấn đề; hoặc có họ thực hiện theo định kỳ. Thông thường lễ múa “rija praong” cũng là dịp để tộc họ kết hợp tổ chức “muk janhong” cho tộc họ và cũng nhân cơ hội này các thầy lễ phân hành, các nghệ nhân múa như “Ông Mudwon”, “Ông taong”, “Ông yuk” được thụ giáo hoặc thăng cấp, bậc.

Thông thường, mỗi dòng tộc họ chỉ có một “chiết atuv”. Song có tộc họ, ở những chi nhánh phụ tách ra lại có “chiết atuv” riêng, để bớt phụ thuộc và cũng có thể phát sinh từ sau một xích mích, bất hòa nhỏ. Khi một gia đình thành viên của tộc họ có nhu cầu lễ cúng “êv atuv praok” hoặc lễ cúng “rija”, thì đến trao đổi với chủ tộc họ, người giữ “chiết atuv” để thống nhất người múa và việc xin rước “chiết atuv”, sau đó mới đến ông mudwon xin ngày tháng. Trong trường hợp này gia đình thành viên tự lo chi phí thực hiện các lễ cúng. Còn trong trường hợp các lễ cúng thuộc về tộc họ, thì hoặc quỹ của tộc họ chi hoặc các gia đình thành viên đóng góp theo định mức phân bổ thành kinh phí của tộc họ chi.

“Chaih” là cái ché để ủ làm rượu cần, một vật lễ đặc trưng không thể thiếu trong lễ “pwiss payak” (đây là loại lễ cúng có tính chất lệ tộc họ để trả lễ và thết đãi thần linh, theo định kỳ 7 năm tiến hành một lần, luân phiên giao cho mỗi dòng “talei” trong tộc họ). Chaih để tại nhà của chủ dòng họ (như nhà thờ họ của người Việt), khi đến phiên dòng nào của tộc họ làm thì đến rước; song cũng có khi luân phiên cất giữ: sau lần cúng “pwiss payak”, nếu sắp đến lượt của dòng nào thì chủ của dòng đó có trách nhiệm cất giữ.

“Chiết atuv” và “Chaih” là biểu hiện thống nhất về mặt tinh thần, tư tưởng của tộc họ mà bất kỳ người Chăm nào cũng có (dù là Balamôn hay Bani).

Đối với các thành viên của tộc họ đang sinh sống, làm ăn ở gia đình thành viên tộc họ khác, tức là đối với những đàn ông của tộc họ lấy vợ, theo vợ, nếu bản thân ông ta có nhu cầu khẩn vái các lễ cúng trên đây cho bản thân ông ta thì gia đình vợ con ông ta phải đến trao đổi thống nhất với người mẹ (nếu còn sống) hoặc chị, em gái của ông ta để được những người này hoặc trực tiếp hoặc thông qua chủ tộc họ, hoặc có khi là thông qua ông

mudwon khẩn vái và khi thực hiện lễ cúng chỉ do gia đình người mẹ (nếu còn sống) hoặc chị, em gái cùng tộc họ của ông ta tiến hành mà thôi, còn gia đình vợ con phải có trách nhiệm tham gia công sức tiền bạc, chứ không thể bỏ mặc cho tộc họ mẹ, chị, em gái của chồng mình được.

Hình thức thờ cúng tổ tiên ông bà khác của người Chăm liên quan đến tộc họ là lễ cúng “Katê”, “Chabbur” (Bàlamôn) và “êv mukkei” (Bàni). Tuy nhiên các lễ cúng này hẹp hơn, chỉ trong phạm vi dòng họ “talei gop”, thông thường là mỗi gia đình thành viên (Chăm Bàlamôn) thực hiện một năm/lần luân phiên hoặc do gia đình chủ “talei” thực hiện có sự chung đậu, tham gia đóng góp của các gia đình thành viên. Trong các lễ cúng này, dù ở gia đình nào, thì bao giờ cũng có một gian riêng để cúng cho chồng (hoặc cha), mặc dù bên tộc họ của chồng, cha đã được mẹ, chị em gái của chồng, cha cúng chung cùng với tổ tiên tộc họ bên đó. Còn đối với Chăm Bàni phải cúng Mukkei một năm 3 lần vào những đầu và cuối tháng Ramurwan và cúng sau 100 ngày tính từ ngày bắt đầu vào tháng Ramurwan. Ngoài ra, có tộc họ còn có lễ cúng giải hạn đầu năm Chăm lịch, luân phiên nhau thực hiện. Lễ cúng này do thầy Chang Bàni làm chủ lễ.

*Hôn nhân của người Chăm:* Họ tộc ở người Chăm hàm chứa một số đặc trưng cơ bản, trước hết đó là một tập thể ngoại hôn. Tất cả những người cùng một “gâup gan” được gọi là “pupah” với nhau, cùng thờ cúng một “atâu” dù xa đến mấy đời cũng không được có quan hệ hôn nhân với nhau. Người trong họ lấy nhau bị coi là tội loạn luân (agâm), phải làm lễ tạ tội tại nghĩa địa. Cho đến nay nguyên tắc ngoại hôn dòng họ vẫn được người Chăm luân thủ nghiêm khắc. Cha mẹ thường dạy cho con cái rất kỹ càng về nguyên tắc này, chỉ rõ cho con cái biết ai có thể kết hôn được, ai không thể được.

Những người cùng chung một dòng họ tính theo huyết thống bên mẹ thì dù cách nhau mấy chục đời cũng không được kết hôn với nhau. Nếu kết hôn với nhau thì bị quy vào tội loạn luân. Nếu như mẹ anh A và mẹ cô B cùng ở một dòng họ, cách nhau mấy chục đời, nhưng anh A và cô B không thể kết hôn được. Tuy nhiên nếu cha anh A và cô B ở chung một dòng họ, nhưng cách nhau ba đời thì anh A và cô B có thể kết hôn với nhau được. Như vậy hôn nhân trong cùng một dòng họ tính theo mẹ là một điều tối kỵ đối với đồng bào Chăm ở Ninh Thuận và Bình Thuận.

Theo đó, nam nữ cùng một tộc họ, đặc biệt là quan hệ con dì con dâ không được kết hôn với nhau, còn con cô con cậu do không cùng tộc họ có thể lấy nhau nhưng phải cách 3 đời trở lên. Trong hôn nhân, việc tham gia hỗ trợ và chứng nhận của tộc họ mang tính cộng đồng được mọi người quan niệm là rất quan trọng, không thể không có, đôi khi bỏ qua, không cần cơ sở pháp lý của chính quyền. Do vậy, mối quan hệ ràng buộc chi phối của tộc họ đến quan hệ hôn nhân có nhiều ảnh hưởng khá sâu sắc. Khi thành viên trong gia đình của một tộc họ kết hôn, gia đình phải báo cho tộc họ để các vị chủ chốt tộc họ thể hiện chức năng đại diện cho tộc họ trong các bước hôn nhân như dạm hỏi, lễ cưới... Các thành viên trong tộc họ cùng tham gia lo khâu tổ chức và tham dự lễ cưới, chúc tụng biếu quà cho đôi vợ chồng mới. Tộc họ nào lớn, có nhiều thành viên cùng tộc họ đưa rể, tặng quà thì đôi vợ chồng mới vinh dự, hãnh diện và tự hào. Nếu người nào ít tộc họ thì rất tủi thân.

Trước năm 1975, hôn nhân phải theo môn đăng hộ đối giữa các tộc họ: người quý tộc, tiếng Chăm gọi là “bak baoh”, phải lấy người quý tộc, không cho lấy tộc họ dân thường. Để duy trì và thuần khiết tộc họ, tộc họ cũng có sự ràng buộc hôn nhân cùng dân tộc, cùng tôn giáo, trong đó có điều lưu truyền khá nghiêm ngặt là người Chăm theo đạo Balamôn không được lấy người Chăm theo đạo Bani, mặc dù cả hai đều là người Chăm. Có lẽ đây là lời nguyên thủy xa xưa giữa những người theo hai tôn giáo khác nhau hoặc cũng có thể trong nghi thức tín ngưỡng không dung hòa với nhau được, hiện nay vẫn còn cấm kỵ. Điều cấm kỵ đó thể hiện là nếu có đôi nam nữ theo hai tôn giáo trên lấy nhau, vô phúc một trong hai thuộc đạo Balamôn qua đời trước thì người còn lại không thể đụng chạm đến thi thể của vợ (chồng) mình được. Ngược lại nếu một trong hai thuộc đạo Bani qua đời trước thì người theo đạo Balamôn không cấm kỵ điều này. Do vậy mà người Chăm Balamôn thường nói nếu phải lấy người ngoại tộc, ngoại đạo thì lấy người Việt, người Nùng, các tộc người miền núi có thể chấp nhận được hơn là lấy người Chăm theo đạo Bani. Đối với phụ nữ Chăm Bani gần như cấm kỵ lấy người ngoại đạo nhưng vì một lý do nào đó phải kết hôn với người ngoại đạo thì người đó phải làm lễ vào đạo Bani và phải được đưa vào gia đình tộc họ. Con trai Bani cũng rất ít xảy ra việc kết hôn với phụ nữ Balamôn vì họ sợ con cái họ khi chết phải làm lễ thiêu là điều mà họ rất kiêng kỵ.

Trước đây, trong thời tư hữu ruộng đất, khi về ở làm ăn bên vợ, người đàn ông Chăm thường không mang theo trâu bò, ruộng nương của mình mà tất cả tư liệu sản xuất hoặc có sẵn bên gia đình vợ hoặc được gia đình cha mẹ vợ san sẻ. Tuy nhiên, có một số trường hợp, gia đình tộc họ bên người đàn ông khá giả thì có thể cho con một ít ruộng hoặc đôi trâu làm của hồi môn, nhưng khi người đàn ông này qua đời, tộc họ ông ta sẽ thu hồi lại chứ không cho hẳn.

*Về tang chế:* Người Chăm dù theo tôn giáo nào, sau khi chết cũng được an táng vào nghĩa địa, tuy cách an táng và hình thức nghĩa địa tộc họ có khác nhau. Người Chăm Balamôn truyền thống, chủ yếu theo tục hỏa táng thi thể người chết, ngoại trừ người chết yếu dưới 14 tuổi. Trong quy trình hỏa táng, trước khi thi thể bị thiêu thành tro thì 9 miếng xương trán của người chết được lấy lại làm di cốt bỏ vào hộp “klaong” làm bằng đồng thau, bạc hoặc vàng tạm thời bảo quản thờ phụng, chờ trong tộc họ có đủ số lượng di cốt nam nữ theo quy định để tộc họ tổ chức đợt lễ nhập “kut” thì di cốt này được táng vào chung trong “kut” - nghĩa trang tộc họ. Khi di cốt đã nhập vào nghĩa trang tộc họ thì cả tộc họ thờ chung và cúng kính bằng một lễ tục chung cho cả kut, không còn được gia đình thờ riêng nữa.

Hỏa táng là một tập tục cầu kỳ, thời gian từ 3 - 5 ngày, chi phí cao, do đó tuy trước hết là việc của gia đình người chết, nhưng muốn thực hiện không thể không có sự giúp đỡ của cả tộc họ. Ngoài ra, còn liên quan mối quan hệ tộc họ vào “kut”. “Kut” - nghĩa địa tộc họ là nơi chôn vĩnh viễn các di cốt người quá cố trong cùng một tộc họ, là địa điểm để tộc họ thực hiện một hình thức thờ cúng tổ tiên - là lễ cúng kut hay lễ ngap phwor theo định kỳ ít nhất 3 năm một lần, là biểu hiện cụ thể rõ nhất về quan hệ tộc họ của người Chăm Balamôn. “Kut” được lập trên một miếng đất khoảng 100m<sup>2</sup> có địa thế cao ráo thường là trong khu ruộng đất của tộc họ, để dễ chăm nom, bảo quản. Tại đó chôn dựng đứng 3 hoặc

5 tầng đá tron có hình dạng giống biểu tượng linga, cao 50-60 cm, phần ló lên khỏi mặt đất cao khoảng 20-30 cm, thành một hàng cách đều nhau theo hướng đông - tây, tiếng Chăm gọi là “patou kut”. Trong đó, tầng đá chính giữa được dựng cao hơn hết là “Pôdi” (thần chủ). Đây là tầng đá tượng trưng, phía dưới không chôn gì. Còn các tầng đá hai bên, phía dưới chân đá, để chôn chung các di cốt hỏa táng (9 miếng xương trán) các người của tộc họ đã quá cố, với sự phân biệt, thuộc về nam giới thì di cốt chôn chung dưới tầng đá phía tây “pô di” gọi là “patou kamei”. Nếu trong tộc họ chỉ là người dân thường thì tộc họ đó lập “kut” chỉ với 3 tầng đá như vậy. Còn tộc họ nào có chức sắc tôn giáo thì “kut” phải dựng 5 tầng đá, trong đó ngoài 3 tầng có chức năng như “kut” thường, còn có thêm hai tầng: 1 tầng về phía đông ngoài cùng, đứng đầu hàng, ở dưới để chôn chung di cốt các vị chức sắc thầy xé “Prô Passeh” và một tầng bên cạnh tầng “Pôdi” về phía tây, ở dưới để chôn chung di cốt các bà Bông “muk Pajuw” của tộc họ. Đó là gian chính hay là “kut” chính. Có dòng họ chỉ có “kut” chính, nhưng cũng có dòng họ có thêm “kut” phụ. Kut phụ ở gian phía tây của kut chính và trụt ra phía sau so với dãy “kut” chính, được ngăn cách với “kut” chính bằng một phiến đá chắn, tiếng Chăm gọi là “patou pachong”. “Kut” phụ đặt hai tầng đá để chôn di cốt người chết không lành trong dòng họ, một cho nam giới và một cho nữ giới; vì di cốt những người này không thể chôn chung cùng với di cốt người chết lành được.

Việc lập “kut”, nhập di cốt lần đầu cũng như lần nhập về sau phải tiến hành các lễ thức phức tạp, cầu kỳ và chi phí khá cao, là việc chung của cả tộc họ ràng buộc nhiều gia đình thành viên, đòi hỏi phải có sự đồng bộ, thống nhất trong tộc họ mới thực hiện nổi do vậy mà từ trước tới nay, với những tộc họ lập được “kut” thì mỗi tộc họ chỉ có một “kut” duy nhất, cho dù có nhiều dòng “talei gop”, nhiều “chiết atuv”; và không phải tộc họ nào tuy có đủ dư số lượng di cốt nam nữ cũng có thể lập được “kut”. Qua điền dã của chúng tôi tại địa bàn nghiên cứu, toàn xã Phan Hiệp (huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận) chỉ có 14 kut và có một tộc họ trải qua hàng mấy mươi năm hiện bảo quản, thờ phụng trên trăm di cốt, đang chuẩn bị lập “kut” mới đầu tiên vào cuối tháng 6 năm 2005.

Tuy hình thức thờ phụng nghĩa trang tộc họ “kut” khá cầu kỳ và tốn kém như vậy nhưng đối với người Chăm Balamôn được hỏa táng và được vào “kut” sau khi qua đời luôn là ước vọng sẽ được về với tổ tiên ông bà, đồng thời sự yên tâm, thỏa mãn của những người thân còn sống trong thực hiện đền ơn đáp nghĩa, báo hiếu với người quá cố. Bởi vì, tập tục này chỉ nặng ở lúc đầu khi lập và nhập “kut”, còn các lần thực hiện lễ cúng định kỳ “ngap phwor”, dù cho số lượng di cốt đã được táng nằm trong kut là bao nhiêu đi nữa thì lễ thức và chi phí cũng không thay đổi theo mà cố định theo một chế độ tín ngưỡng, hơn nữa đây là việc chung của cả tộc họ nên đối với mỗi gia đình thành viên thì quá nhẹ nhàng và đơn giản.

Trong trường hợp tộc họ nào chưa lập được kut thì gia đình nào có trách nhiệm bảo quản thờ phụng di cốt người quá cố của gia đình ấy, hoặc do chủ từng dòng “talei gop” hoặc chủ cả tộc họ chịu trách nhiệm chung. Trước đây các di cốt này thường chôn dấu tại khu vực ruộng tộc họ, nên thường hay bị bọn trộm cắp đào lấy các “klaong” có giá trị cao, làm cho di cốt dễ bị thất lạc; nay thì được bảo quản trong các hồ xây bằng xi măng có nắp

đây đặt trong khuôn viên nhà ở và các “klaong” làm bằng vật liệu giản đơn nhưng chắc chắn nên không còn tình trạng mất cắp, thất lạc nữa.

Đó là nói về những thành viên trong gia đình quan hệ cùng một tộc họ. Còn đối với những người tuy là thành viên của gia đình nhưng lại khác tộc họ, là những ông chồng, ông cha, những “urang parat”, thì khi chết đi, gia đình vợ con ông ta phải trực tiếp lo liệu việc hỏa táng thi thể ông ta, còn bà con tộc họ hai bên đến giúp sức và phúng điếu. Sau hỏa táng, di cốt của ông ta do vợ con bảo quản, cúng kính, chờ đưa vào kut của tộc họ ông ta trong đợt nhập kut gần nhất, chứ không thể đưa vào kut của tộc họ vợ con được. Trong trường hợp tộc họ của ông ta chưa có kut thì gia đình vợ, con gái ông ta có thể giữ thờ phụng di cốt của ông ta nếu như có nhu cầu đồng thời đó cũng là trách nhiệm, nhưng cũng chỉ được đến đời con gái ông ta mà thôi chứ không được đến đời cháu. Rất hiếm thấy trường hợp vừa mãn ba năm sau lễ hỏa táng mà gia đình vợ con đã vội đưa di cốt của chồng, cha trở về tộc họ ngay, ngoại trừ trường hợp tộc họ cần để nhập kut tộc họ. Đúc kết cho tập tục trên, người Chăm nói về đàn ông Chăm: *“Hadiip ngap drop ka urang, Mutai ba talang ka gop”* (Sống thì tạo của cho người, chết thì xương cốt trở về tộc họ).

Trường hợp gia đình vợ quá nghèo không thực hiện hỏa táng được thì tộc họ không thể làm ngơ để vợ con ông ta theo tập tục “jap brah” (đám chôn một đêm nằm, chỉ dành cho người chết yếu dưới 14 tuổi) chôn vĩnh viễn được, bởi vì như thế ông ta sẽ không thể nào có di cốt được. Tộc họ sẽ vận động gia đình vợ ông ta nếu thấy chưa đủ sức lo hỏa táng ngay thì chôn gởi tạm thời, hẹn thời gian ít nhất 3 năm sẽ lo bốc lên hỏa táng. Đến thời điểm hẹn hoặc kéo dài thêm chút gì đó, tộc họ nhắc nhở, nếu gia đình vợ lo liệu được dự tính bốc lên làm lễ hỏa táng thì tộc họ cả hai bên sẽ tham gia chung sức các bước chuẩn bị cho đến tiến hành và có trách nhiệm phúng điếu. Còn nếu gia đình vợ con hơi khó khăn thì có thể bước đầu bà con tộc họ có điều kiện khá giả tạm ứng trước để sau gia đình vợ con thanh toán lại. Chỉ khi nào chờ quá lâu, tộc họ cảm thấy gia đình vợ con lo không nổi hoặc không muốn lo nữa thì lúc đó tộc họ mới đứng ra lo liệu kinh phí tổ chức hỏa táng cho ông ta, lưu giữ thờ phụng di cốt để chờ dịp đưa vào kut. Trường hợp này là cá biệt, rất ít xảy ra. Nói chung là tộc họ, bà con bên chồng chủ yếu là động viên tinh cảm, trách nhiệm và tạo điều kiện hỗ trợ để gia đình vợ con đồng tình, tự nguyện lo cho chồng, đồng thời cũng là thành viên của tộc họ chồng đủ lễ thức tôn giáo khi quá cố theo ý nguyện của tộc họ chứ ít khi có tình trạng gây áp lực bắt buộc.

Khi đưa di cốt chồng, cha trở về bên tộc họ của ông ta để bảo quản, thờ phụng hoặc làm lễ nhập kut, gia đình vợ con ông ta tổ chức đưa tiễn trang trọng xứng như khi trước trong lễ cưới lúc ông ta lấy vợ, được tộc họ của ông ta tiễn đưa về ở với vợ.

Người Chăm Bàn sau khi chết thì thi thể được chôn vĩnh viễn tại nghĩa địa tộc họ bên mẹ của người chết đó. Nghĩa địa tộc họ Chăm Bàn, tiếng Chăm gọi là “ghur rak”. “Ghur rak” thường là khu động cát, cách xa các làng cũ khoảng vài cây số. Mỗi tộc họ có một khu riêng. Trong mỗi khu “ghur rak” của một tộc họ, mộ người chết chôn được làm dấu bằng hai viên đá đặt ở 2 phía đầu và chân người chết, đầu hướng bắc, chân hướng nam, thi thể nằm nghiêng mặt ngoảnh nhìn về hướng tây, hướng của thánh địa Hồi giáo; người chết sau chôn kế cận người chết trước, có rất nhiều cặp đá tượng trưng cho các lớp

người chết được chôn bên dưới hình thành nhiều dãy hàng đá xếp thẳng hàng song song nối dài theo chiều đông - tây. Mỗi tộc họ có một khu nghĩa địa rộng khoảng 1000 đến 3000m<sup>2</sup> tùy theo tộc họ lớn nhỏ. Ngoài ra, bên cạnh dãy mộ chính còn có dãy mộ nhỏ nằm song song, các hòn đá 2 đầu mộ nhỏ hơn, số lượng mộ ít hơn. Đó là dãy mộ phụ của mỗi khu “ghur rak”, dành chôn những người trong tộc họ chết không lành. Tùy theo số lượng người chết chôn của tộc họ nhiều hay ít mà hình thành phạm vi “ghur rak” của tộc họ đó.

Tại khu “ghur rak” hàng năm tộc họ và gia đình tiến hành lễ tảo mộ. Lễ tảo mộ chỉ diễn ra chưa đầy một buổi sáng, tùy theo tộc họ lớn nhỏ, ở xa, ở gần mà chọn thời gian thích hợp trong phạm vi 3 ngày liên tiếp nhưng trễ nhất chỉ đến buổi sáng ngày đầu tiên của tháng Ramurwan (Hồi lịch).

Như vậy để bảo đảm thuần khiết cho tộc họ ở thế giới bên kia cũng như ràng buộc trách nhiệm nghĩa tình của người thân trong gia đình hoặc tộc họ đối với người sắp từ giã trần thế, người Chăm cả hai đạo đều có quy định nghiêm ngặt đối với tư thế người chết. Người Chăm quan niệm chết không lành “mutai lihin” là lúc tắt thở không ai biết, chết không tại nhà gọi chung là “mutai bhaw” hoặc chết bất đắc kỳ tử, chết đuối, bị sét đánh, tai nạn xe cộ, cây đè, thú dữ bắt... theo quan niệm của người Chăm, những người chết như vậy linh hồn của họ không được bình thường, có thể gây ảnh hưởng xấu hoặc gây tai họa cho tộc họ. Người nào chết không lành vừa phải chịu làm lễ đuổi tà “tiap kalong” đối với thi thể người chết đó, lại không được chôn vào gian, khu chính thức mà chỉ được chôn ở khu vực phụ của kut hoặc “ghur rak”, tiếng Chăm gọi là “đih takai lai” (nằm cạnh chân). Ngoài ra, con cái của những người có hôn nhân không đồng dân tộc - tôn giáo, những người mà lúc sống cơ thể bị khuyết tật thì khi chết cũng không được táng vào khu chính trong kut hoặc “ghur rak”. Khi người thân của mình phải “đih takai lai” là niềm day dứt, tủi thân cho người còn sống đã không làm tròn trách nhiệm với người đã chết, vì khi tiến hành các lễ cúng thờ tại kut cũng như các lễ thức trong lễ tảo mộ tại “ghur rak” các lễ thức thực hiện ở khu phụ đều không được đầy đủ, ít hơn so với khu chính.

Người Chăm quan niệm đối với các vấn đề về tang chế là thiêng liêng và rất quan trọng, chi phối ảnh hưởng khá nhiều mặt đời sống tinh thần và là lý do làm cho người Chăm - đặc biệt là phụ nữ Chăm - rất ít khi chịu rời bỏ quê hương xứ sở “palei” đi nơi xa, vì bỏ “palei” sẽ là bỏ “kút”, bỏ “ghur rak”, bỏ nơi chôn cất tổ tiên ông bà, không còn ai thờ phụng, chăm sóc.

*Về kinh tế tộc họ:* Trong chế độ xã hội còn tư hữu về ruộng đất, mỗi tộc họ đều có sở hữu một số diện tích ruộng đất mang tính chất tộc họ với các tên gọi như “hamu bhum”, “hamu kut”, “hamutalang”, “hamu họ”. Đây là biểu hiện về cơ sở kinh tế bảo đảm sự thống nhất giữa các thành viên trong thiết chế tộc họ.

Thông qua các phương thức sử dụng ruộng đất tộc họ là cơ hội mang quyền lợi, lợi ích vật chất cho gia đình thành viên tộc họ, nhất là đối với các gia đình nông dân không có hoặc thiếu ruộng đất; đồng thời hoa lợi thu được từ số ruộng đất này sẽ duy trì nguồn quỹ tài chính của tộc họ trang trải trước hết cho các hoạt động lễ tục cúng kính thờ phụng của tộc họ hàng năm hay đúng kỳ lệ, không đòi hỏi sự chung đạu làm ảnh hưởng nguồn thu

nhập của từng gia đình thành viên; sau nữa nguồn quỹ tài chính của tộc họ có thể hỗ trợ cho các gia đình thành viên gặp khó khăn. Với cơ sở kinh tế vật chất như vậy, đồng thời từ quyền lợi được hưởng của các gia đình thành viên trong tộc họ khi được nhận ruộng đất tộc họ để canh tác, đã tạo nên sự cố kết bền chặt giữa các gia đình thành viên và tộc họ.

Về trật tự xã hội: Khi trong tộc họ xuất hiện sự xích mích, bất hòa giữa một vài gia đình thành viên thì trưởng tộc họ sẽ tổ chức dùng quan hệ tộc họ để tiến hành hòa giải, hàn gắn. Do chịu ảnh hưởng, ràng buộc về nhiều mặt với tộc họ, nên các gia đình thành viên thường phải chấp hành, nghe theo sự phân định hòa giải của tộc họ. Tinh thần đoàn kết tương trợ trong toàn tộc họ chẳng những được thể hiện khi các gia đình thành viên có việc mà còn khi cả trong quan hệ, ứng xử với các gia đình của tộc họ khác, trong trường hợp bị thiệt thòi trong quan hệ xã hội, tộc họ sẽ có biện pháp bên vực, hậu thuẫn không để cho gia đình thành viên bị cô thế.

Trên cả hai phương diện tinh thần và vật chất, quan hệ tộc họ truyền thống người Chăm đã có sự tác dụng ảnh hưởng khá quan trọng đối với gia đình thành viên, tạo ra sự ràng buộc, cố kết khá chặt chẽ trong việc hình thành phát triển cộng đồng người Chăm. Đồng thời, tộc họ Chăm cũng chứa đựng cả yếu tố tích cực và không tích cực. Điều quan trọng là phải làm cho chính người Chăm nhận thức đúng và đầy đủ các yếu tố đó để họ phát huy mặt tích cực và hạn chế mặt tiêu cực tạo đà cho sự phát triển chung.

### **3.2. Những biến đổi trong sinh hoạt tộc họ**

Trong các hoạt động tín ngưỡng - tinh thần thờ cúng tổ tiên ông bà, hôn nhân, tang chế; trừ một số lễ thức riêng trong phạm vi gia đình còn lại vẫn đòi hỏi vai trò của tộc họ để bảo đảm duy trì các hoạt động đó, đặc biệt là các hoạt động tinh thần thuộc về đạo lý truyền thống thể hiện tính nhân văn và những tập tục thể hiện bản sắc dân tộc đã ăn sâu, bám rễ lâu đời vào tiềm thức của đồng bào Chăm. Tuy nhiên, dưới chế độ XHCN, ruộng đất thuộc sở hữu toàn dân, do vậy không còn hình thức ruộng đất thuộc về sở hữu tộc họ, sở hữu gia đình như trước đây. Điều đó có nghĩa là cơ sở kinh tế của tộc họ không còn nguồn ruộng đất tạo cơ hội sử dụng cho gia đình thành viên hoặc cho con trai đem theo về làm ăn với vợ. Gia đình cũng sẽ có ít “ruộng mẫu trâu bày”, vốn là cơ sở kinh tế của chế độ mẫu hệ như trước đây. Tộc họ không còn nguồn hoa lợi, khi gặp phải khó khăn, mỗi lần thực hiện phải bằng hình thức dự toán phân bổ cho các gia đình thành viên, rất bất tiện. Thay vào đó, mỗi gia đình thành viên hiện nay đều được giao quyền sử dụng một số diện tích ruộng đất để sản xuất. Đây là cơ sở kinh tế của từng gia đình thành viên, hoàn toàn độc lập và không phụ thuộc vào kinh tế tộc họ, kéo theo sự phân hóa tự nhiên: cùng một tộc họ, có gia đình phát triển khá lên song cũng có gia đình sa sút. Để có kinh phí chi dùng thực hiện một số tập tục thuộc về tộc họ, dưới sự chủ trì, điều hành của chủ tộc họ, trưởng họ đã đề ra phương cách phân bổ và đóng góp, theo mức đầu người các thành viên nam, nữ khác nhau trong tộc họ. “Gop likei” (nam) đóng ít hơn “gop kamei” (nữ). Hỗ trợ về kinh tế vật chất không còn, lại phải thực hiện nghĩa vụ chung đạu chỉ để đáp ứng cho các nhu cầu tinh thần thuộc về tộc họ mà mỗi gia đình thành viên dù có muốn độc lập cũng không thực hiện được thì về mặt vật chất - kinh tế chỉ còn là nghĩa vụ - trách nhiệm, rất ít lợi ích vật chất. Mặt khác cơ cấu kinh tế, việc làm, lao động tạo thu nhập gia đình trong

người Chăm đã có sự chuyển đổi dần, không hẳn chỉ duy nhất là nông nghiệp mà còn nhiều ngành nghề khác thể hiện tính độc lập của hộ gia đình đối với tộc họ. Do đó, sự gắn kết với tộc họ có biểu hiện lỏng lẻo, ít bền chặt hơn trước đây. Sự chi phối và ảnh hưởng, ràng buộc không nguyên tắc, cứng nhắc như trước mà dần ta có phần uyển chuyển hơn.

Về các lễ thức liên quan đến tập tục thờ cúng “chiết atuv”, có thể do công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe, điều trị bệnh bằng các phương pháp khoa học đông tây y ngày càng phổ biến, lan rộng, có hiệu quả ở các vùng đồng bào Chăm làm giảm bớt việc khấn vái cầu xin với tổ tiên ông bà phù hộ cho sức khỏe, qua cơn bệnh tật; làm ít đi các lễ cúng “rija”; giảm bớt sự ràng buộc với tộc họ.

Trong hôn nhân, sự ràng buộc tộc họ có phần giảm bớt, do yếu tố tự nguyện được tôn trọng hơn. Không còn tình trạng môn đăng hộ đối, dòng quý tộc chỉ được lấy dòng quý tộc nữa mà đã có sự mở rộng; loại hôn nhân không đồng dân tộc, đồng tôn giáo tuy vẫn không được tán thành nhưng không đến nỗi gay gắt như trước đây.

Chế độ mẫu hệ ở người Chăm vẫn còn bảo lưu đến tận ngày nay và sẽ tồn tại mãi, song dưới chế độ xã hội mới, do nguyên nhân về cơ sở kinh tế của chế độ mẫu hệ không còn và để thích ứng với trào lưu tiến hóa của nhân loại, thực tế hiện nay, vai trò đàn ông trong gia đình, tộc họ được đề cao hơn. Vì dù sao, người đàn ông tuy là ở rể của gia đình, tộc họ nhưng ông ta chính là nhân tố quan trọng quyết định việc duy trì và phát triển tài sản cùng với con cái cho gia đình tộc họ, như người Chăm nói là “jiong ganup, ngap muda”, cho nên “urang parat” được sự tôn trọng của tộc họ vợ, nhất là quan hệ giữa những đàn ông chính và rể trong tộc họ, giữa ông trưởng họ với đàn ông ở rể luôn được giữ êm đẹp. Điều đó rất dễ hòa thuận vì tất cả họ đều là đàn ông và đều có hoàn cảnh giống nhau nên rất dễ thông cảm cho nhau. Những công việc của tộc họ, tuy những “urang parat” không có quyền quyết định, song luôn được những người chủ họ, trưởng họ, người vợ tham khảo ý kiến, tranh thủ sự đồng tình. Với sự tôn trọng đúng mức của các thành viên trong tộc họ vợ như vậy, cộng với sự khéo léo thuyết phục trong quan hệ vợ chồng thì khó có người đàn ông nào có thể đứng ngoài cuộc, không cộng tác trong những hoạt động của tộc họ bên vợ được.

Cùng với các chuyển biến khác, việc lấy họ cho con không còn theo một quy tắc cố định nữa, mà chuyển sang con trai lấy họ cha, con gái lấy họ mẹ hoặc kết hợp hai họ cha mẹ cho các con, hoặc lấy theo họ cha hoàn toàn cho cả con trai và con gái. Do vậy, hiện nay nhìn vào tên các thành viên trong một tộc họ, vẫn cùng “gop sa chiết atuv”, “gop sa kut” nhưng từng dòng họ “talei gop” “gop sa ghurar” lại mang họ khác nhau, tưởng chừng như khác tộc họ, song thực chất vẫn là một.

Trong tang chế, cũng có sự cởi mở tương tự, đặc biệt đối với đồng bào Chăm Balamôn. Những tộc họ hiện chưa có kut thì khi thành viên qua đời, không còn chịu sự ràng buộc của tộc họ, nhất thiết phải tiến hành lễ hỏa táng. Đã có nhiều trường hợp người chết trên 14 tuổi, không chôn gởi mà chôn vĩnh viễn theo tục “jap brah”, nghĩa là sau này nếu con cháu, tộc họ có điều kiện muốn hỏa táng và muốn đưa người đó vào “kut” cũng không còn được nữa. Tuy nhiên về quan niệm chết không lành thì vẫn chưa được tộc họ

chấp nhận gia giảm mặc dù có một số trường hợp bức xúc, bất khả kháng, vẫn phải đau khổ chịu nằm vào khu phụ.

Sự chuyển biến trong quan hệ tộc họ của người Chăm hiện nay là sự giằng co muốn tách rời độc lập của gia đình với tộc họ trong các mối quan hệ xã hội và sự níu kéo của tộc họ trong vai trò lưu truyền giá trị nhân văn, bản sắc văn hóa dân tộc trong tín ngưỡng cùng với chế độ mẫu hệ không thể chuyển đổi được.

Tim hiểu quá trình hình thành, tồn tại qua các chế độ xã hội của thiết chế tộc họ người Chăm cho ta thấy thiết chế này có tiềm năng tổ chức các hoạt động xã hội phục vụ nhu cầu đời sống tinh thần và vật chất đối với các thành viên trong cộng đồng. Vì vậy, thiết chế này sẽ còn tồn tại lâu dài trong xã hội Chăm. Tuy nhiên, dưới tác động của chế độ quan hệ huyết thống theo mẹ và chế độ xã hội mà quan hệ tộc họ đang vận động cùng với sự tác động của tôn giáo - tín ngưỡng, thiết chế tộc họ Chăm, bên cạnh sự chuyển mình thích nghi theo xu thế của xã hội đương đại vẫn không thể dứt bỏ ngay tính bảo thủ cố hữu của xã hội và một số biểu hiện lạc hậu, không hợp thời của tôn giáo.

Điều cần thiết là chọn lọc để giữ gìn, phát huy truyền thống tích cực và bản sắc văn hóa dân tộc của thiết chế họ tộc, khai thác các tiềm năng tổ chức các hoạt động vào cuộc vận động xây dựng cuộc sống văn hóa ở khu dân cư người Chăm sao cho đạt hiệu quả cao nhất.

Từ môi quan hệ ràng buộc có tính chất huyết thống mà đạo làm người không ai có thể từ chối trách nhiệm - nghĩa vụ, hoạt động tộc họ không chỉ nên dừng lại ở những việc thuộc lĩnh vực tinh thần, thờ cúng tổ tiên - ông bà, hôn nhân, tang chế. Những vấn đề đó cũng có ích, song chưa thật đủ so với các nhu cầu trong cuộc sống của các gia đình; cũng từ đó chưa đủ sức cố kết chặt chẽ các thành viên trong tộc họ. Xã hội ngày càng phát triển, nhu cầu con người - thành viên của một tộc họ - ngày càng phong phú. Muốn cho các thành viên luôn cố kết trong tộc họ thì tộc họ phải vươn ra đáp ứng nhu cầu mới.

Để cho tộc họ thực hiện được các hoạt động của mình (việc họ) không thể không chú ý đến nguồn lực vật chất được chủ động chứ không được lệ thuộc. Đó là vấn đề xây dựng nguồn quỹ của tộc họ [Hình thức gây quỹ họ tộc giúp nhau làm ăn, xây dựng mạnh phong trào khuyến học của từng tộc họ, tạo phong trào thi đua, tạo động lực khuyến khích con em vươn lên học tập (hỗ trợ học sinh khá giỏi, hỗ trợ tiền tàu xe đi về dịp hè, tết, điển hình như thôn Như Bình, Hoài Trung xã Phước Thái, thôn An Nhơn, Phước Nhơn xã Xuân Hải thôn Hữu Đức, xã Phước Hữu) ngày càng mở rộng và rất có hiệu quả trong cộng đồng người Chăm hiện nay.]. Quỹ của tộc họ có dồi dào thì nguồn lực của họ mới mạnh, chi phối được gia đình thành viên bằng cụ thể chứ không kêu gọi chung chung. Bằng nguồn lực của tộc họ, giải quyết được một số việc thiết thân nhất đối với gia đình thành viên ở những thời điểm cần thiết sẽ tạo ra niềm tin gắn bó hơn của thành viên đối với tộc họ. Từ những việc thiết thân đó khi đã có sự ràng buộc cố kết chặt chẽ hơn, không chỉ với ràng buộc huyết thống, tộc họ sẽ đưa dần vào tổ chức thực hiện các tiêu chí phù hợp, vừa sức của cuộc vận động xây dựng cuộc sống văn hóa với mục tiêu phấn đấu trở thành tộc họ văn hóa.

Trong môi quan hệ tộc họ hiện nay ở người Chăm, mặc dù những người trong họ vẫn quan tâm đến nhau, chăm sóc, lo lắng cho nhau mỗi khi khó khăn ốm đau hay hoạn

nạn... Nhưng nhìn chung trong bối cảnh tính pháp chế của đời sống ngày càng lên, yếu tố thị trường của sản xuất đang len lỏi vào đời sống cộng đồng từng ngày, mô hình cấu trúc thôn, làng cũ bị phá vỡ... xu hướng chung của sự chia sẻ, quan tâm ấy trong họ tộc cũng ngày càng nhạt dần. Các vụ tranh chấp đất đai trong tộc họ xảy ra, yếu tố coi trọng tính cố kết tộc họ, vai trò tiếng nói của người trưởng họ, chủ họ bị suy giảm. Niềm tin vào “sắc thái” tộc họ riêng của mỗi cá nhân như tục thờ totem, các điều kiêng cử riêng trong đời sống bị xem nhẹ. Xu hướng chung hiện nay là có sự tranh chấp hơn thua ngầm giữa các tộc họ, qua suy nghĩ tộc họ nào có nhiều người được cử vào các cấp hành chính thôn làng, làm cán bộ hưởng lương của nhà nước thì dường như các thành viên họ đó sẽ hãnh diện hơn đối với các họ khác trong làng; hoặc thậm chí có xuất hiện tâm lý trong các cá nhân khi tộc họ của mình có người làm trong hệ thống lãnh đạo ở địa phương. Thậm chí quy mô tổ chức các buổi lễ cúng của tộc họ hiện nay không được xét bằng yếu tố nhiều ngày, nhiều rượu, heo, gà như trước, mà là việc xem xét sự đại diện của các cấp hành chính trong thôn, xã đến tham dự buổi lễ cúng ấy của tộc họ như thế nào. Hiện tượng này đương nhiên chưa phải là xu hướng phổ biến trong cộng đồng người Chăm ở Ninh Thuận và Bình Thuận, nhưng đang ngầm ngầm tồn tại thể hiện sự thay đổi không tích cực trong đời sống tâm thức mỗi thành viên điều mà trước đây chưa hề xảy ra.

#### 4. Kết luận

Trong quá trình xây dựng một xã hội mới, nhiều yếu tố của nếp sống cũ, tự chúng sẽ mất đi qua những cuộc cải cách kinh tế và xã hội, điều đó là tất yếu. Đồng thời còn nhiều yếu tố có giá trị sẽ được bảo lưu trong một thời gian dài, thậm chí lâu bền. Có những yếu tố nhìn bề ngoài có vẻ như ngược với yêu cầu của cuộc sống mới nhưng cũng được bảo lưu vì đã gắn chặt với nếp sống của cộng đồng. Vì vậy, cần giáo dục cho các thế hệ người Chăm nhận thức đúng đắn về những giá trị văn hoá, để cộng đồng có trách nhiệm và thái độ ứng xử đúng mực với nó. Bảo tồn bản sắc văn hoá là cần thiết song vấn đề là phải có một cuộc vận động trong đồng bào Chăm có ý thức cùng nhà nước bảo tồn sao cho phù hợp với đời sống của xã hội đương đại, trên cơ sở kết hợp giữa giá trị truyền thống và hiện đại trong quá trình giao lưu, hội nhập. Cụ thể là, sớm xây dựng quy chế đơn giản hóa lễ thức bằng việc xây dựng quy chế của xã và hương ước, quy ước của thôn theo hướng văn minh tiến bộ. Hướng cho mỗi tộc họ khi cử người làm Trưởng họ tối thiểu phải có trình độ văn hóa cấp III trở lên, đồng thời tăng cường tuyên truyền, vận động tạo điều kiện cho những người là Chủ họ, Trưởng họ tham gia vào Mặt trận và các tổ chức đoàn thể ở địa phương, trên cơ sở đó tiến hành tập huấn các kiến thức liên quan đến công tác xây dựng đời sống văn hóa mới, nông thôn mới; vận động họ nêu cao tính gương mẫu không chỉ là người đại diện trong tộc họ mà còn là hình tượng đi đầu trong các phong trào thi đua yêu nước của cộng đồng; tăng cường tuyên truyền, giáo dục họ nhận diện đúng đắn về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của mình trong quan hệ với họ tộc và cộng đồng, để họ nâng cao ý thức coi việc thực hành các lễ thức, vừa là trách nhiệm, vừa là nghĩa cử cao cả, thông qua đó để làm nòng cốt trong việc giáo dục quần chúng chậm tiến trong nội bộ họ tộc và cộng đồng dân cư.

### Tài liệu tham khảo

- Ngô Thị Chính, Tạ Long (2007). *Ảnh hưởng của yếu tố tộc người đến sự phát triển kinh tế xã hội của người Chăm ở Ninh Thuận và Bình Thuận*. NXB Khoa học Xã hội.
- Ngô Phương Lan (2015). Phong tục phân chia đất đai của người Chăm theo chế độ mẫu hệ trong bối cảnh bình đẳng giới hiện nay. *Tạp chí Dân tộc học*. 3(191), 19-27.
- Tỉnh ủy Ninh Thuận (2013). *Báo cáo Tổng kết 20 năm thực hiện Thông tri số 03-TT/TW của Ban Bí thư về công tác đối với đồng bào Chăm*. Số 118-BC/TU, ngày 18/4/2013.
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Ninh Thuận (2013). *Báo cáo về Tổng kết 20 năm thực hiện Thông tri số 03-TT/TW, ngày 17/01/1991 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (Khóa VII) về công tác đối với đồng bào Chăm tỉnh Ninh Thuận*. Số 119/BC-SNN, ngày 22/4/2013.
- Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Ninh Thuận (2013). *Báo cáo về tình hình đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội vùng đồng bào Chăm theo tinh thần Thông tri số 03-TT/TW ngày 17/10/1991 của Ban Bí thư về công tác đối với đồng bào Chăm giai đoạn 1992-2012*. Số 1165/BC-SKHĐT, ngày 03/6/2013.
- Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Thuận (2015). *Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 06/2004/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh - trật tự đối với vùng đồng bào Chăm trong tình hình mới*. Số 237/BC-UBND, ngày 15/9/2015.
- Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận (2015). *Báo cáo về Tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị 06/2004/CTTTg ngày 18/02/2004 của Thủ tướng Chính phủ, về việc tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh trật tự đối với vùng đồng bào Chăm trong tình hình mới (giai đoạn 2004 - 2014)*. Số 221 /BC-UBND, ngày 22/9/2015.
- Ủy ban nhân dân huyện Ninh Phước (2013). *Báo cáo Tổng kết 20 năm thực hiện Thông tri số 03-TT/TW của Ban Bí thư về công tác đối với đồng bào Chăm*. Số 122-BC/UBND, ngày 19/4 /2013.
- Ủy ban nhân dân xã Phước Nam. *Báo cáo Tổng kết Thông tri số 03-TT/TW của Ban Bí thư về công tác đối với đồng bào Chăm*. Số 119-BC/UBND, ngày 22/02/2013.
- Ủy ban nhân dân xã Phan Thanh. *Báo cáo Tổng kết Thông tri số 03-TT/TW của Ban Bí thư về công tác đối với đồng bào Chăm*. Số 98-BC/UBND, ngày 18/03/2013.